

Số: /GPMT-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc tại Văn bản số 14/CV-SGBG ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu nghỉ dưỡng cao cấp Thác Bản Giốc và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2060/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 4 năm 2026.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc, địa chỉ tại: Xóm Bản Giốc, xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng được thực hiện các hoạt động

bảo vệ môi trường của Cơ sở Khu nghỉ dưỡng cao cấp Thác Bản Giốc với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên Cơ sở: Khu nghỉ dưỡng cao cấp Thác Bản Giốc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xóm Bản Giốc, xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 4800864373, đăng ký lần đầu ngày 23/7/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/11/2025 tại Phòng Phát triển doanh nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng.

1.4. Mã số thuế: 4800864373.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở thuộc lĩnh vực dịch vụ lưu trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi diện tích của Cơ sở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 181.365 m<sup>2</sup>.

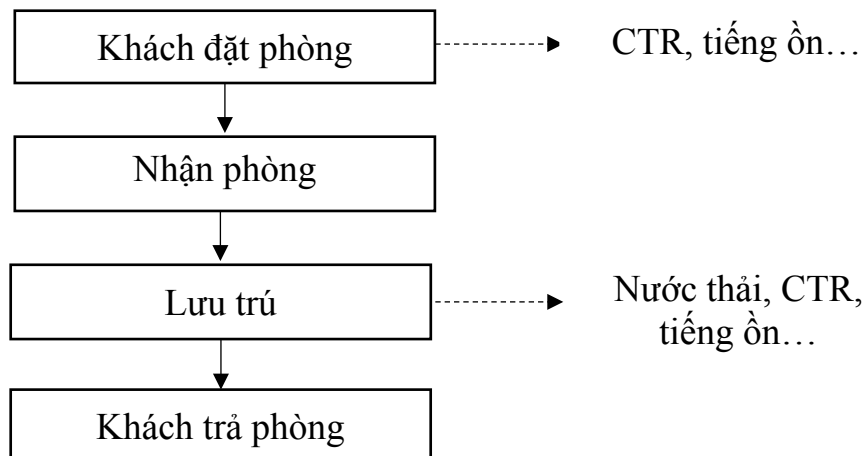
- Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Khách sạn 150 khách/ngày; Nhà hàng 300 lượt khách/ngày.

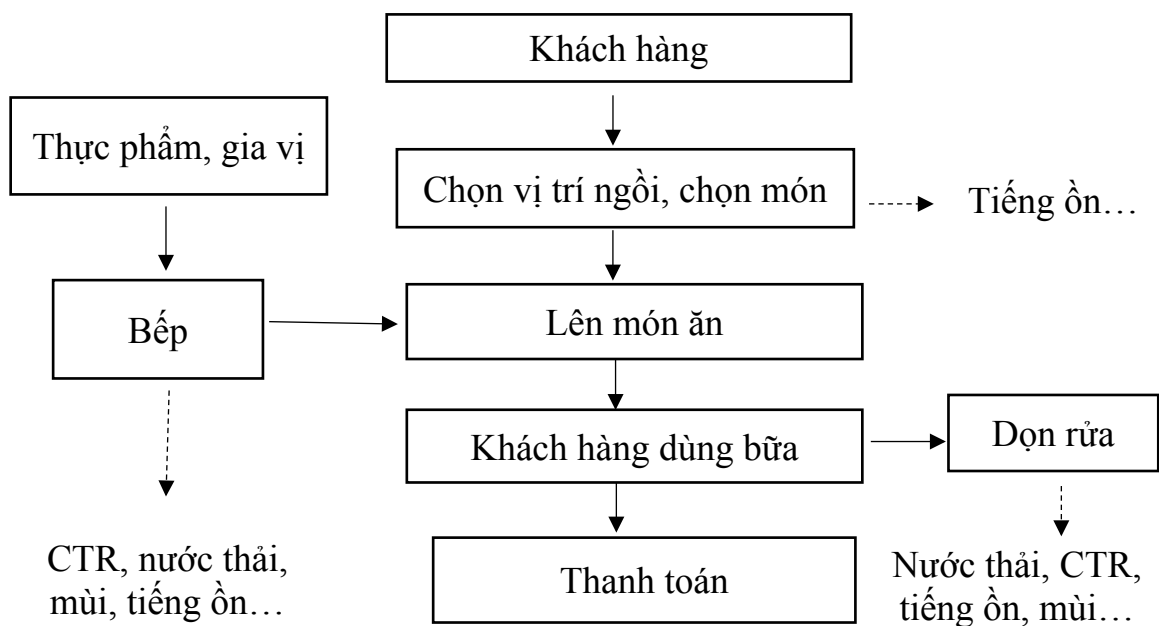
- Công nghệ sản xuất:

+ Quy trình dịch vụ lưu trú:



Thuyết minh quy trình: Khách du lịch đến Khu nghỉ dưỡng cao cấp Thác Bản Giốc sẽ đăng ký tại khu vực lễ tân. Tại đây, khách sẽ được đón tiếp, hướng dẫn làm thủ tục nhận phòng. Nhân viên lễ tân xác nhận tình trạng đặt phòng của khách và tiến hành thủ tục nhận phòng cho khách. Nhân viên lễ tân dựa vào các thông tin từ phiếu đặt phòng như: số lượng phòng, loại phòng, thời gian lưu trú, các yêu cầu đặc biệt về vị trí của phòng, trang thiết bị phụ trợ để sắp xếp phòng cho khách. Khi thủ tục nhận phòng hoàn thành, nhân viên lễ tân giới thiệu, tư vấn các dịch vụ có trong khu nghỉ dưỡng cho khách hàng, sau đó nhân viên hành lý sẽ mang hành lý và đưa khách đến địa điểm nhận phòng, hướng dẫn khách cách sử dụng các thiết bị trong phòng. Trong thời gian lưu trú, lễ tân đại diện cho khối khách sạn trực tiếp tiếp xúc, phục vụ, hướng dẫn khách, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc khi có yêu cầu đồng thời chịu trách nhiệm phối hợp với các bộ phận nhà hàng và các dịch vụ khác để mang lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng. Giai đoạn khách thanh toán, trả phòng: Nhân viên lễ tân nhận chìa khóa buồng phòng và cho nhân viên kiểm phòng, sau đó sẽ thực hiện thủ tục trả phòng. Nhân viên thu ngân chịu trách nhiệm chính trong việc làm thủ tục thanh toán, chuyển hóa đơn thanh toán cho khách.

+ Quy trình dịch vụ nhà hàng:



Thuyết minh quy trình: Khách hàng lưu trú hoặc khách ngoài đến với nhà hàng sẽ được phục vụ đón chào và hướng dẫn lựa chọn vị trí ngồi. Sau đó phục vụ sẽ gửi thực đơn đến khách hàng để lựa chọn món ăn, phục vụ ghi nhận và truyền thông tin vào nhà bếp để chuẩn bị và lên món ăn. Món ăn từ nhà bếp được chế biến nhanh chóng và truyền thông tin cho bộ phận phục vụ lên món. Khách hàng dùng bữa và sau cùng là phục vụ sẽ làm thủ tục thanh toán và tiễn khách.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với môi trường không khí quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm** (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày      tháng      năm 2036).

**Điều 4.** Giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Đàm Thủy tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Sài Gòn - Bản Giốc;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Đàm Thủy;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, KT<sub>(TH)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thạch**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

Tổng khối lượng nước thải phát sinh: Khoảng 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 1: Nước thải vệ sinh, lưu lượng phát sinh khoảng 27,3 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 2: Nước thải giặt là, lưu lượng phát sinh khoảng 4,7 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nước thải nhà bếp, lưu lượng phát sinh khoảng 18 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

#### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Là sông Quây Sơn; Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D110, chiều dài 8,5 m dẫn ra hồ cảnh quan, sau đó qua cống ngầm D1000, chiều dài 12 m dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực rồi ra nguồn tiếp nhận là sông Quây Sơn cách Cơ sở khoảng 200 m thuộc địa phận xóm Bản Giốc, xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng.

#### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại điểm xả từ đường ống PVC D110 ra hồ cảnh quan, thuộc xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng.

- Tọa độ vị trí điểm xả: X(m): = 2528128; Y(m): = 600076 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** Khoảng 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tương đương tính trung bình khoảng 2,083 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.4. Phương thức xả nước thải:** Tự chảy.

**2.5. Chế độ xả nước thải:** Gián đoạn, không liên tục, lưu lượng xả thải phụ thuộc vào nhu cầu sinh hoạt của khách hàng, cán bộ công nhân viên tại Cơ sở.

**2.6. Chất lượng nước thải:** Trước khi thải vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt Quy chuẩn Việt Nam, cụ thể:

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B	QCVN 14:2025/ BTNMT, cột A, bảng 2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	5 - 9	<p>- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.</p> <p>- Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung với tần suất 03 tháng/lần.</p>
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	≤ 30	
3	COD	mg/l	-	≤ 80	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	≤ 50	
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000	-	
6	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0	≤ 0,2	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	≤ 6,0	
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50	-	
9	Tổng Nitơ	mg/l	-	≤ 25	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	≤ 10	
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	≤ 3,0	
12	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10	-	
13	Tổng Phốt pho	mg/l	-	≤ 4,0	
14	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	5.000	≤ 3.000	

- Lộ trình áp dụng:

+ Trước ngày 01/01/2032: Nước thải sinh hoạt của Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu theo QCVN 14:2008/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (K = 1,0 áp dụng cho khách sạn từ 50 phòng hoặc khách sạn được xếp hạng 3 sao trở lên).

+ Từ ngày 01/01/2032: Nước thải sinh hoạt của Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu theo QCVN 14:2025/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A, bảng 2.

+ Trường hợp, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn tiếp nhận thì Chủ cơ sở thực hiện theo lộ trình do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước.**

##### **1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa.**

- Nước mưa từ mái công trình được thu gom bằng ống nhựa uPVC D110 chạy dọc từ mái xuống, thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn với tổng chiều dài 310,5 m, gồm: Mương hở (rộng x sâu = 0,2x0,2)m, chiều dài 112,9 m; mương xây nắp BTCT (rộng x sâu = 0,4x0,4)m, chiều dài 111,7 m; mương xây nắp tấm đan (rộng x sâu = 0,2 x0,2)m, chiều dài 85,9 m, sau đó nước tự chảy theo địa hình tự nhiên và được dẫn về hồ cảnh quan.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường nội bộ... thoát theo nguyên tắc tự chảy, dựa vào cao độ địa hình tự nhiên tập trung về hồ cảnh quan.

##### **1.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải.**

- Nước thải nhà bếp: Được thu gom vào rãnh, kích thước (dài x rộng x sâu = 24x0,3x0,3)m dẫn vào bể tách mỡ 1; sau đó, theo đường ống PVC D110 chiều dài 22 m dẫn vào hố lắng 1, tiếp tục theo đường ống HDPE D200 chiều dài 28 m dẫn vào bể tách mỡ 2 trước khi vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ các nhà vệ sinh: Được thu gom bằng đường ống PVC D90 vào 07 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích khoảng 144,2 m<sup>3</sup>, kích thước mỗi bể (dài x rộng x sâu = 5,5x2,5x1,5)m. Nước thải sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại theo đường ống HDPE D200, chiều dài 318 m dẫn về hố lắng 2. Trên hệ thống thu gom, thoát nước bố trí 11 hố ga có kích thước (dài x rộng x sâu = 0,8x0,8x0,8)m để lắng cặn.

- Nước thải giặt là: Được thu gom bằng đường ống PVC D110, chiều dài 15 m vào hố ga 10 có kích thước (dài x rộng x sâu = 0,8x0,8x0,8)m; sau đó, dẫn sang hố lắng 2, có kích thước (dài x rộng x sâu = 0,8x0,8x0,8)m.

Toàn bộ nước thải từ hố lắng 2 theo đường ống HDPE D200, chiều dài 26 m, dẫn vào bể tách mỡ 2, có kích thước (dài x rộng x sâu = 1,5x1,4x2,8)m trước khi vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ nước thải từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đường ống PVC D110, chiều dài 8,5 m dẫn ra hồ cảnh quan; sau đó, qua công ngầm D1000,

chiều dài 12 m dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực rồi ra nguồn tiếp nhận là sông Quây Sơn, cách Cơ sở khoảng 200 m.

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.**

### **1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải**

- Công trình xử lý gồm: 07 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích khoảng 144,2 m<sup>3</sup>, kích thước mỗi bể (dài x rộng x sâu = 5,5x2,5x1,5)m; 02 bể tách mỡ, trong đó: Bể tách mỡ 1, thể tích 3,6 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 2,0x1,2x1,5)m, bể tách mỡ 2, thể tích 5,88 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 1,5x1,4x2,8)m; 02 hồ lắng, trong đó: Hồ lắng 1, có thể tích 0,512 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 0,8x0,8x0,8)m, hồ lắng 2, có thể tích 0,512 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 0,8x0,8x0,8)m.

- Quy trình xử lý nước thải bằng bể tự hoại: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn Lắng → Ngăn lọc → Hồ lắng 2 → Bể tách mỡ 2 → Hệ thống XLNT tập trung (công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải tại Bể tự hoại: Công trình thực hiện đồng thời hai chức năng lắng và phân huỷ cặn lắng; cặn lắng ở trong bể dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải sau quá trình xử lý ở bể tự hoại được thu gom về Hồ lắng 2 rồi dẫn vào Bể tách mỡ 2 sau đó chảy vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình xử lý nước thải bằng bể tách mỡ: Nước thải → Ngăn 1 → Ngăn 2 → Ngăn 3 → Hệ thống XLNT tập trung (công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

Thuyết minh quy trình: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp được dẫn vào ngăn thứ nhất của bể tách mỡ, ngăn này có chức năng thu giữ rác thô, cặn lớn. Tiếp theo, nước thải chảy sang ngăn thứ hai, được thiết kế nhằm giảm vận tốc dòng chảy và hạn chế sự xáo trộn; Tại đây, nhờ sự chênh lệch tỷ trọng, dầu mỡ nhẹ hơn nước sẽ nổi lên trên bề mặt, trong khi các chất rắn nặng hơn sẽ lắng xuống đáy bể. Phần nước đã tách mỡ tiếp tục chảy sang ngăn thứ ba. Tại ngăn này, nước được làm trong thêm một bước trước khi thoát ra ngoài. Lớp nước sạch hơn sẽ đi xuống phía dưới và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lớp dầu mỡ được giữ lại sẽ tích tụ dần trên bề mặt các ngăn, tạo thành lớp váng. Lớp này cần được loại bỏ định kỳ bằng phương pháp vớt thủ công nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của bể.

- Quy trình xử lý nước thải bằng bể lắng: Nước thải → Bể lắng → Hệ thống XLNT tập trung (công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

Thuyết minh quy trình: Tại bể lắng, các chất rắn lơ lửng lắng xuống đáy nhờ trọng lực, phần nước trong tiếp tục chảy qua hệ thống xử lý tập trung. Bùn lắng được thu gom, xử lý định kỳ.

### **1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung**

- Công suất thiết kế xử lý: 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Số lượng công trình, gồm: 01 bể tách mỡ, thể tích khoảng 5,6 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 2,0x1,0x2,8)m; 01 bể điều hòa, thể tích khoảng 16,8 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 2,0x3,0x2,8)m; 01 bể kỵ khí UASB, thể tích khoảng 29,6 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 4,6x2,3x2,8)m; 01 bể thiếu khí ANOXIC, thể tích khoảng 5,6 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 2,0x1,0x2,8)m; 01 bể Aerotank, thể tích khoảng 17,92 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 3,2x2,0x2,8)m; 01 bể lắng, thể tích khoảng 5,6 m<sup>3</sup>, kích thước (DxH = 2x2,8)m; 01 bể khử trùng, thể tích khoảng 3,052 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 1,09x1,0x2,8)m; 01 bể chứa bùn, thể tích khoảng 2,24 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 1,0x0,8x2,8)m.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể kỵ khí UASB → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Đường ống HDPE D110, chiều dài 8,5m → Hồ cảnh quan → Cống ngầm D1000, chiều dài 12m → Mương thoát nước chung của khu vực → sông Quây Sơn.

- Thuyết minh quy trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ hố lắng 1 và hố lắng 2 được dẫn qua bể tách mỡ để loại bỏ tất cả lượng mỡ thừa có trong nước thải tránh gây tắc nghẽn đường ống và làm giảm hiệu quả xử lý của các công đoạn sau. Nước sau bể tách dầu mỡ sẽ được dẫn tự chảy sang bể điều hòa để điều hòa lưu lượng nước thải, bể được cung cấp không khí từ máy thổi khí theo hệ thống đĩa phân phối khí đặt ở sát đáy bể, không khí được cung cấp nhằm xáo trộn, tránh hiện tượng phân hủy kỵ khí tại bể này, đồng thời cân bằng ổn định nồng độ và tính chất nước thải, ổn định pH. Nước thải được bơm sang bể yếm khí UASB để xử lý các chất hữu cơ COD, BOD. Tại đây, quá trình phân hủy kỵ khí trong bể UASB diễn ra theo phản ứng sau: Chất hữu cơ + Vi sinh vật kỵ khí → CO<sub>2</sub> + CH<sub>4</sub> + H<sub>2</sub>S + Sinh khối mới... Sau đó, tự chảy sang bể thiếu khí Anoxic, trong bể thiếu khí Anoxic, hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý Nitơ và Photpho thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphorit, bể Anoxic bố trí máy khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu khí cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Nước thải tiếp tục tự chảy sang bể sinh học hiếu khí Aerotank, môi trường hiếu khí trong bể đạt được do sử dụng máy thổi khí cung cấp với kích thước bọt khí nhỏ mịn và trung bình và sử dụng chủng vi sinh vật hiếu khí để phân hủy chất thải, vi sinh vật (còn gọi là bùn hoạt tính) tồn tại ở dạng lơ lửng sẽ hấp thụ oxi, chất hữu cơ (chất ô nhiễm) và sử dụng chất dinh dưỡng là Nitơ và photpho để tổng hợp tế bào mới, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O và giải phóng năng lượng. Vi sinh trong bể Aerotank sẽ được thêm vào định kỳ từ bùn tuần hoàn tại bể lắng. Nước thải tiếp tục được dẫn sang bể lắng theo phương thức tự chảy, tại đây nước di chuyển trong ống trung tâm xuống đáy bể sau đó di chuyển từ dưới lên trên chảy vào máng thu nước để tràn sang bể khử trùng. Phần bùn lắng xuống đáy bể một phần được tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí để duy

trì nồng độ bùn, phân bùn thải sẽ được bơm vào bể chứa bùn. Tại bể khử trùng được bổ sung hóa chất Chlorine với liều lượng 1,5g/m<sup>3</sup> nước thải, tương đương 30 g/ngày, để diệt các mầm vi khuẩn gây bệnh. Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo QCVN 14:2008/BTNMT, theo đường ống PVC D110, chiều dài 8,5 m dẫn ra hồ cảnh quan, sau đó qua cống ngầm D1000, chiều dài 12 m dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực rồi ra nguồn tiếp nhận là sông Quây Sơn, cách Cơ sở khoảng 200 m.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine với lượng 1,5g/m<sup>3</sup> nước thải, tương đương 30g/ngày.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

#### **1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố**

- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành, ứng phó với sự cố của bể xử lý nước thải.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom, thoát nước, các bể xử lý nước thải. Nếu phát hiện có dấu hiệu hư hỏng, tiến hành ngay việc cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý đúng theo nội dung đã đề xuất trong giấy phép.

- Có phương án dự trữ các loại ống và phụ kiện để kịp thời thay thế khi hỏng hóc xảy ra.

- Định kỳ, nạo vét hệ thống mương rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước, lắng loại bỏ các chất bẩn và bổ sung các chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để tăng cường hiệu quả xử lý.

- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

#### **1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố**

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố hoặc hỏng hóc: (1) Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) Trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm men vi sinh, tăng dưỡng chất tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; bơm nước thải chưa xử lý từ hệ thống xử lý về bể điều hòa để tiếp tục quy trình xử lý; (3) Trường hợp nước thải trong các bể xử lý bị ứ đọng do sự cố bơm chính thì phải vận hành bơm dự phòng; tiến hành vệ sinh bơm bị sự cố hoặc thay thế bơm mới; (4) Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu

chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Cơ sở sẽ thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể của hệ thống xử lý, bổ sung men vi sinh vào các bể để duy trì, hỗ trợ hoạt động xử lý nước thải, khẩn trương tiến hành khắc phục, sửa chữa (Căn cứ lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm và tổng dung tích chứa nước thải của tất cả các bể xử lý khoảng 86,4 m<sup>3</sup> thì HTXLNT có thể lưu giữ nước thải khoảng 1,7 ngày để sửa chữa HTXLNT); sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ các bể về bể điều hòa để tiếp tục quy trình xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp bị rò rỉ đường ống thu gom, thoát nước thải: Phải kịp thời thay thế, sửa chữa đường ống bị rò rỉ; tuyên truyền đến các cán bộ, nhân viên của khách sạn và khách du lịch hạn chế sử dụng nước trong thời gian khắc phục, sửa chữa đường ống để không phát sinh thêm nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 04 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống các công trình xử nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu.

- Tại điểm xả từ đường ống PVC D110 ra hồ cảnh quan, thuộc xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng.

- Tọa độ vị trí điểm xả:  $X(m) = 2528128$ ;  $Y(m) = 600076$  (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào, 03 mẫu nước thải đầu ra (03 ngày liên tiếp) sau hệ thống xử lý nước thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm nêu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ với tần suất ít nhất 01 lần/năm để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống công trình thu gom, hệ thống xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc

Chương trình quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu nước thải của Cơ sở xả ra ngoài môi trường không đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam về môi trường./.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI.**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (không có nguồn khí thải, bụi cố định xả ra ngoài môi trường).

**B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.**

- Trồng các cây xanh, cây cảnh khu vực khuôn viên tạo vẻ đẹp cảnh quan, mỹ quan vừa có tác dụng chống bụi, điều hoà không khí. Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh hành lang, sân đường nội bộ Cơ sở.

- Bố trí nhân viên thường xuyên vận hành, bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý liên tục hạn chế được mùi hôi từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ trong nước thải.

- Lắp đặt hệ thống ống hút khói và quạt hút mùi trong khu vực nhà bếp. Bố trí phòng riêng biệt để đặt máy phát điện dự phòng và sử dụng nhiên liệu dầu DO chạy máy phát điện dự phòng đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp để quá trình hoạt động không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, tập kết tại khu vực tập kết rác. Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh khu vực lưu chứa, tập kết rác thải.

- Định kỳ 1 lần/ngày, nhân viên tiến hành vệ sinh phòng, khuôn viên, nhà vệ sinh... đảm bảo sạch sẽ, hạn chế mùi hôi thối.

- Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam về môi trường./.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.**

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Từ các phương tiện giao thông, vận tải ra vào cơ sở.
- Nguồn số 03: Từ khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Trong khuôn viên Khu nghỉ dưỡng cao cấp Thác Bản Giốc tại xã Đàm Thủy, tỉnh Cao Bằng.

**3. Giá trị giới hạn.**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung gồm QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	QCVN 26:2025/BTNMT (đơn vị: dBA)		
	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực B	55	50	45

- Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	QCVN 27:2025/BTNMT (đơn vị: dB)	
	Khoảng thời gian	
	Ngày (6:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 6:00)
Khu vực B	65	60

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.**

- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội bộ và khu vực đỗ xe. Yêu cầu các phương tiện ra vào với tốc độ 20km/h, không bóp còi. Yêu cầu các xe tắt máy trong thời gian giao/nhận hàng.

- Thực hiện trồng cây xanh, bố trí bồn hoa, thảm cỏ tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, đồng thời góp phần giảm thiểu tác động của tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Bố trí phòng đặt máy phát điện riêng biệt. Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện dự phòng, hệ thống điều hòa, máy móc thiết bị...

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 4 năm 2026*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI.**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh.**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.**

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,1
3	Pin thải	16 01 12	5
4	Dầu, mỡ thải phát sinh từ bể tách mỡ	16 01 08	135
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>144,1</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải	0,06
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>0,06</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.**

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	6,5
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>6,5</b>

**2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại.**

**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa.**

Bố trí 02 thùng phi, dung tích 200 lít để thu gom chất thải nguy hại gồm:

giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải...phát sinh sau khi sửa chữa, thay thế thiết bị, máy móc; 01 thùng phi, dung tích 200 lít để thu gom dầu, mỡ thải phát sinh từ bể tách mỡ, lưu giữ tại Nhà kho chứa chất thải nguy hại.

### **2.1.2. Khu vực lưu chứa.**

- Bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 4 m<sup>2</sup>, kết cấu: lợp mái tôn, tường quây tôn, nền láng bê tông.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

### **2.1.3. Xử lý chất thải**

Định kỳ, hợp đồng với đơn vị đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

## **2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.**

Bùn thải được lưu giữ trong bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, thể tích khoảng 2,24 m<sup>3</sup>, kích thước (dài x rộng x sâu = 1x0,8x2,8)m. Khi bùn thải tại bể chứa đầy Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

## **2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.**

### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa.**

- Bố trí các thùng rác nhỏ, có nắp đậy dung tích 10 lít tại các phòng nghỉ; 10 thùng rác dung tích 50 lít tại các vị trí công cộng; 10 thùng rác màu xanh dung tích 240 lít, có nắp đậy đặt tại khu vực gần cổng vào, có hàng rào bao quanh để thu gom chất thải rắn sinh hoạt còn lại.

- Bố trí các túi, bao để thu gom chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng.

- Bố trí các thùng nhựa màu xanh có dung tích 50 lít để lưu giữ chất thải thực phẩm là thức ăn thừa tập trung, thu gom vào đặt tại khu vực nhà bếp

### **2.3.2. Khu vực lưu chứa.**

Khu vực lưu chứa: Bố trí 01 khu vực tập kết lưu giữ chất thải tái chế, tái sử dụng và chất thải còn lại tại khu vực gần cổng vào, có hàng rào bao quanh.

### **2.3.3. Biện pháp xử lý**

- Chất thải tái chế, tái sử dụng: Bán cho các cơ sở thu gom tái chế, tái sử dụng trên địa bàn.

- Chất thải thực phẩm: Cho nhân viên hoặc các hộ gia đình xung quanh tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

- Chất thải còn lại: Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.**

1. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, sự cố về tai nạn lao động và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.**

Cơ sở đã hoàn thành các hạng mục, công trình xử lý chất thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Khu nghỉ dưỡng cao cấp Thác Bản Giốc, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

**D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.**

1. Thực hiện phân loại, quản lý, xử lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu khối lượng chất thải cần phải chuyển giao; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn bức xạ theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu sử dụng của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.